|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỤC TRỒNG TRỌT VÀ****BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 19/BC7N-TTBVTV |  |

**BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

 *(Từ ngày 02 đến ngày 08 tháng 5 năm 2025)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo dữ liệu Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28 0C; Cao nhất: 36 0C; Thấp nhất: 20 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 81 %; Cao nhất: 91 %; Thấp nhất: 70%.

*- Nhận xét:* Trong kỳ, đêm có lúc có mưa rào rải rác, ban ngày trời nắng, cục bộ có nơi nắng nóng.

*- Dự báo trong tuần tới*: Ngày 09/5 trời nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt; từ đêm 09-11/5, có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to, riêng chiều và đêm 10/5 có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to đến rất to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc sét, mưa đá và gió giật mạnh. Từ ngày 12-13/5, có mưa rào và dông vài nơi, từ ngày 14-15/5 có mưa rào rải rác và có nơi có dông (thời gian mưa tập trung vào chiều tối và tối).

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,1 0C; Cao nhất: 37,5 0C; Thấp nhất: 24,6 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 83 %; Cao nhất: 89,8 %; Thấp nhất: 75,4 %.

*- Nhận xét:* Từ 1/5 – 08/5, mây thay đỏi ngày nắng nóng có nơi nắng nóng gay gắt, chiều tối có mưa rào và dông.

*- Dự báo trong tuần tới:* Ngày 09/5 trời nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt; từ đêm 09-11/5, có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to, riêng chiều và đêm 10/5 có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to đến rất to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc sét, mưa đá và gió giật mạnh. Từ ngày 12-13/5, có mưa rào và dông vài nơi, từ ngày 14-15/5 có mưa rào rải rác và có nơi có dông (thời gian mưa tập trung vào chiều tối và tối).

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB):*

Nhiệt độ: Trung bình: 29,4 0C; Cao nhất: 33,6 0C; Thấp nhất: 25,2 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,0 %; Cao nhất: 82,5%; Thấp nhất: 80,8%.

*b) Tây Nguyên:*

Nhiệt độ: Trung bình: 23,5 0C; Cao nhất: 34,9 0C; Thấp nhất: 14,2 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 83 %; Cao nhất: 92,4 %; Thấp nhất: 73,9 %.

*- Nhận xét:* Kỳ qua, khu vực Đồng bằng ngày nắng nóng, chiều tối có mưa dông vài nơi. Khu vục Tây Nguyên ngày nắng nóng, chiều tối có mưa rào và dông vài nơi, có nơi mưa vừa đến mưa to. Nhìn chung, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa Đông Xuân cuối vụ, xuống giống lúa Hè Thu sớm. Lúa Đông Xuân, lúa Hè Thu, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

*- Dự báo trong tuần tới:*

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Ngày 09/5 trời nắng nóng, có nơi nắng nóng gay gắt, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; từ ngày 10-15/5, trời nắng, đêm có mưa vài nơi, riêng khoảng ngày 10-12/5 phía Bắc có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc sét, mưa đá và gió giật mạnh.

+ Tây Nguyên: Từ ngày 9-15/5, ngày nắng, chiều tối có mưa rào và dông rải rác; riêng chiều tối và tối thời kỳ từ ngày 10-12/5 có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc sét, mưa đá và gió giật mạnh.

***1.4. Các tỉnh Nam bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,6 0C; Cao nhất: 36,2 0C; Thấp nhất: 24,7 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 78,5 %; Cao nhất: 88 %; Thấp nhất: 64,3 %.

*- Nhận xét:* Thời tiết khu vực Nam Bộ trong tuần phổ biến có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng.

*- Dự báo trong tuần tới:* Từ ngày 9-15/5, ngày nắng, chiều tối có mưa rào và dông rải rác; riêng chiều tối và tối thời kỳ từ ngày 10-12/5 có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc sét, mưa đá và gió giật mạnh.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **700.606 ha/ 705.000 ha**, đạt 99,4 % so với kế hoạch. Hiện nay đã có 133.998 ha lúa đã trỗ, chiếm 19,1%. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Phơi màu – chắc xanh | 57.705 |
| Trà chính vụ | Trỗ - phơi màu | 230.745 |
| Trà muộn | Đòng già – trỗ | 412.156 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **700.606/ 705.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô xuân | Phát triển bắp | 171.039 |
| - Cây rau xuân | PTTL – Thu hoạch | 88.015 |
| - Cây cà chua | Thu hoạch | 702 |
| - Cây lạc xuân | Phát triển củ | 30.150 |
| - Cây hoa | PTTL - Nụ, hoa | 2.558 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả  | 40.923 |
| + Cây xoài | Phát triển quả  | 19.521 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây nhãn | Phát triển quả  | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển quả  | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – Thu hái | 85.704 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả - Thu hoạch | 20.468 |
| - Cây lâm nghiệp |   |   |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 150.068 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 44.000 |
| + Cây bạch đàn | Phát triển – Kinh doanh | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Cây lúa*

 Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **356.120 ha/ 345.000 ha**, đạt 103,22 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích**  **(ha)** | **DT thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch | 33.043 | 9.747 |
| Trà chính vụ | Chín | 260.601 |  |
| Trà muộn | Trỗ - Ngậm sữa | 52.729 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **356.120/ 345.000** |

 *b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô | Xoáy nõn – Trỗ cờ - Làm hạt | 44385.0 |
| - Cây lạc  | Quả già – Thu hoạch | 26026.0 |
| - Cây rau  | Cây con - PT thân lá – Thu hoạch | 39175.0 |
| - Khoai lang | Phát triển thân lá | 5208.5 |
| - Cây sắn | PT thân lá | 45047.0 |
| - Cây mía | Mọc mầm – Đẻ nhánh | 35179.0 |
| - Cây cam, chanh | KTCB - Quả non | 23945.8 |
| - Cây cà phê | PT quả | 3706.9 |
| - Cây cao su | KTCB - KD | 67422.7 |
| - Cây hồ tiêu | Phát triển quả | 3487.6 |
| - Cây chè | KTCB - KD | 13299.1 |
| - Cây thông | KTCB-KD | 94626.5 |
| - Cây keo, bạch đàn | KTCB – KD | 489142.0 |
| - Cây luồng | KTCB – KD | 82333.0 |
| - Đậu các loại | Các giai đoạn sinh trưởng | 1095.0 |

***2.3. Các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên***

*a) Cây lúa:*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **328.385 ha/ 322.550 ha**, đạt 102 % so với kế hoạch. Đến ngày 08/5/2025, đã thu hoạch 281.776 ha, chiếm 86 % diện tích. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 0 | 41.606 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong | 0 | 142.906 |
| Muộn | Chín - Thu hoạch | 9.923 | 37.825 |
| Tây Nguyên | Sớm | Thu hoạch xong | 0,00 | 23.571 |
| Chính vụ | Chín - Thu hoạch | 4.501 | 35.868 |
| Muộn | Ngậm sữa - Chín | 32.185 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **328.385/ 322.550** |

- Lúa Hè Thu sớm 2025: Diện tích đã gieo cấy **17.497 ha** (tăng 7.758 ha so với tuần trước), phổ biến giai đoạn Xuống giống – Mạ, tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Lâm Đồng,….

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| -Ngô | ĐX 2024-2025 | Thâm râu - Thu hoạch | 31.863 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống - Cây con | 689 |
| -Đậu | ĐX 2024-2025 | Chắc hạt - Thu hoạch | 12.805 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống - Cây con | 776 |
| -Lạc | ĐX 2024-2025 | Chắc hạt - Thu hoạch | 23.240 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống - Cây con | 1.648 |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 60.377 |
| - Cây sắn |  | ***234.649*** |
| Đồng Bằng | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 31.490 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ | 1.286 |
| ĐX 2024-2025 | PTTL - Tạo củ | 36.772 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống | 1.333 |
| Tây Nguyên | Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 144.686 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ - Thu hoạch | 6.386 |
| ĐX 2024-2025 | PTTL - Tạo củ | 12.698 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Thanh long  | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng  |  Ra hoa - Quả non | 87.363 |
| + Nho  | Nhiều giai đoạn | 881 |
| + Táo  | Nhiều giai đoạn | 1.122 |
| + Dừa  | Nhiều giai đoạn | 6.570 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 9.802 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Chè | Chăm sóc - Thu hoạch | 9.908 |
| + Mía | Nhiều giai đoạn | 115.185 |
| + Cà phê | Quả non | 674.185 |
| + Tiêu | Chăm sóc sau thu hoạch | 73.617 |
| + Điều | Nuôi quả - Thu hoạch | 137.186 |
| + Cao su | Nhiều giai đoạn | 275.423 |

***2.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Đã thu hoạch xong

- Lúa Hè Thu 2025: Diện tích đã xuống giống 1.014.963/1.537.388đạt66%sovới kế hoạch.Hiện nay đã thu hoạch được 56.150 ha.Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 277.730 |  |
| Đẻ nhánh | 322.776 |  |
| Đòng - trỗ | 235.208 |  |
| Chín | 123.099 |  |
| Thu hoạch |  | 56.150 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **1.014.963/1.537.388** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn  | 70.506 |
| - Cây ăn quả |   |   |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 177.431 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 126.910 |
| + Cây xoài | Nuôi quả | 61.597 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 63.225 |
| + Cây Mít | PTTL, Nuôi quả, Thu hoạch | 66.181 |
| + Cây sầu riêng | Sinh trưởng, TH - chăm sóc | 78.215 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.781 |
| + Cây thanh long | Chăm sóc, PTTL | 18.832 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.404 |
| - Cây công nghiệp |   |  |
| + Cây cao su | Thay lá, ra lá non | 515.787 |
| + Cây điều | Nuôi trái, thu hoạch | 182.854 |
| + Cây sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, thu hoạch | 59.644 |
| + Cây tiêu | Thu hoạch | 32.578 |
| + Cây cà phê | Ra hoa, nuôi quả | 22.397 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 13.252 |
| + Cây Mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 17.804 |

*c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ** | **Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha)** | **Nguyên nhân** |
| Giảm NS 30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Đông Xuân 2024-2025 | 182,6 | 38 | 5 | 0 | 220,6 (KG, ST) |
| **Tổng** | **182,6** | **38** | **5** | **0** | **220,6**  |

Trong vụ Đông Xuân 2024-2025, tổng cộng có **220,6 ha** lúa bị thiệt hại do ngập úng và đổ ngã, trong đó: *182,6 ha lúa bị thiệt hại 30-70%; 38 ha thiệt hại >70%* tại tỉnh Sóc Trăng và Kiên Giang.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**1. Cây lúa**

***1.1. Bệnh đạo ôn***

*- Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 9.429 ha (giảm 3.753 ha so với kỳ trước, tăng 752 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 184 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 16.914 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Bình Thuận, Lâm Đồng, An Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai…;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 577 ha (tăng 394 ha so với kỳ trước, giảm 22 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 67 ha, diện tích đã phòng trừ trong kỳ 981 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Điện Biên, Hà Nam, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Sóc Trăng, …;

*1.2. Sâu cuốn lá nhỏ*:Diện tích nhiễm 58.520 ha (giảm 66.750 ha so với kỳ trước, giảm 169.745 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 17.170; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 157.555 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Tiền Giang, …;

***1.3. Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 21.569 ha (giảm 1.601 ha so với kỳ trước, giảm 53.037 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 3 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 77.404 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Hậu Giang…;

***1.4. Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 783 ha (tăng 154 ha so với kỳ trước, tăng 20 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 452 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Yên Bái, Điện Biên, Nghệ An, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.5. Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 2.647 ha (tăng 801 ha so với kỳ trước, tăng 529 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 106 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.822 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Đồng Nai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Kiên Giang…;

***1.6***. ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 3.173 ha (tăng 302 ha so với kỳ trước, tăng 690 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 68 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 596 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng Cần Thơ, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai…;

***1.7. Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 4.408 ha (tăng 1.071 ha so với kỳ trước, tăng 2.546 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 662 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Khánh Hòa, lâm Động, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Long An, TP Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Sóc Trăng, …;

***1.8. Chuột:*** Diện tích nhiễm 11.501 ha (giảm 649 ha so với kỳ trước, tăng 2.337 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 525 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.277 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Long An, Đồng Nai,…;

***1.9. Sâu năn (Muỗi hành):*** Diện tích nhiễm 180 ha (tăng 20 ha so với kỳ trước, tăng 8 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 180 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Đồng Tháp.

**2. Cây ngô**

*Sâu keo mùa thu:* Diện tích nhiễm 264 ha (giảm 42 ha so với kỳ trước, giảm 101 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 186 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Yên Bái, Bắc Kạn, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Phú Yên, Đồng Nai, …

**3. Cây nhãn**

*Bệnh chổi rồng:* Diện tích nhiễm 230 ha (tăng 01 ha so với kỳ trước, giảm 141 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 13 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 15 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang, ....

**4. Cây thanh long**

*Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 345 ha (giảm 45 ha so với kỳ trước, giảm 186 so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.092 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…

**5. Cây dừa**

*- Bọ cánh cứng*: Diện tích nhiễm 5.495 ha (tăng 12 ha so với kỳ trước, giảm 925 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 59 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 312 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Yên, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang…;

*- Sâu đầu đen* (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 396 ha (tăng 5 ha với kỳ trước, giảm 215 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 21 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.002 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng,…

**6. Cây ăn quả có múi**

- *Bệnh vàng lá thối rễ:* Diện tích nhiễm 440 ha (giảm 60 ha so với kỳ trước, giảm 335 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 06 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 375 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Hòa Bình, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

*- Bệnh Greening*: Diện tích nhiễm 732 ha (tăng 53 ha so với kỳ trước, tăng 299 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 62 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước….

**7. Cây sầu riêng**

*Bệnh xì mủ*: Diện tích nhiễm 3.092 ha (tăng 216 ha so với kỳ trước, giảm 882 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 107 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.890 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tiền Giang, Bình Phước, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng…;

**8. Cây hồ tiêu**

*- Tuyến trùng*: Diện tích nhiễm 1.639 ha (giảm 1 ha so với kỳ trước, giảm 218 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 119 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 93 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Kiên Giang..;

*- Bệnh chết chậm*: Diện tích nhiễm 912 ha (giảm 21 ha so với kỳ trước, giảm 664 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 87 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 78 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Kiên Giang…;

*- Bệnh chết nhanh*: Diện tích nhiễm 214 ha (tăng 5 ha với kỳ trước, tăng 116 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu….

**9. Cây cà phê**

*- Bệnh khô cành*:Diện tích nhiễm 7.254 ha (giảm 535 ha so với kỳ trước, giảm 2.095 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 5.359 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

*- Bệnh gỉ sắt:*Diện tích nhiễm 5.840 ha (giảm 120 ha so với kỳ trước, giảm 1.207 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 5.623 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

**10. Cây chè**

*Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 3.106 ha (tăng 320 ha so với kỳ trước, tăng 201 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.442 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Hà Nội,…

**11. Cây sắn (khoai mì)**

*Bệnh khảm lá virus:* Diện tích nhiễm 54.314 ha (tăng 330 ha với kỳ trước, giảm 11.069 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 7.796 ha; diện tích đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 928 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Đắk Lắk ,Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu….

**12. Cây điều**

*- Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 6.528 ha (giảm 735 ha so với kỳ trước, tăng 1.517 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 28 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.838 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;

*- Bệnh thán thư:* Diện tích nhiễm 5.395 ha (giảm 1.048 ha so với kỳ trước, tăng 569 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 23 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.818 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Bình Phước, ….

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây lúa***

*a) Các tỉnh Bắc Bộ:*

*- Bệnh đạo ôn lá:* Bệnh tiếp tục hại diện hẹp trên trà lúa muộn, giống nhiễm.

*- Bệnh đạo ôn cổ bông:* Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên giống nhiễm và chủ yếu trên những diện tích lúa đã bị nhiễm đạo ôn lá nặng.

*- Sâu cuốn lá nhỏ:* Sâu non lứa 2 tiếp tục hại trên những diện tích lúa diện xanh tốt, chưa được phun trừ hoặc phun trừ nhưng hiệu quả không cao.

*- Rầy nâu – rầy lưng trắng:* Rầy lứa 2 tiếp tục gây hại trên các trà lúa, giống nhiễm.

*- Sâu đục thân 2 chấm:* Trưởng thành lứa 2 tiếp tục vũ hóa. Sâu non gây hại bông bạc chủ yếu trên các trà lúa trỗ sau 10/5.

- Ngoài ra, các đối tượng sinh vật gây hại khác như: *Chuột, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh đen lép hạt*,.... tiếp tục hại; lúa cỏ hại cục bộ.

b) *Các tỉnh Bắc Trung Bộ:*

*- Chuột:* tiếp tục phát sinh gây hại chủ yếu trên lúa giai đoạn trỗ- chín tại các tỉnh trong vùng, hại nặng cục bộ vùng gần gò bãi, nương máng, gò đống.

*- Bệnh đạo ôn cổ bông*: tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa Trỗ bông – Phơi màu – Chín sữa. Hại nặng cục bộ trên các giống nhiễm, trên các chân ruộng bị nhiễm đạo ôn lá nặng.

*- Bệnh khô vằn:* tiếp tục gây hại trên lúa trỗ bông – chín; hại nặng cục bộ trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón phân không cân đối.

*- Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn*: tiếp tục gây hại tăng trên lúa trỗ bông tại Nghệ An, Thanh Hoá; hại nặng cục bộ trên các chân ruộng bón phân không cân đối thừa đạm..

*- Bệnh đen lem lép hạt:* tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa trỗ bông – phơi màu, hại nặng cục bộ tại những vùng thường xuyên bị bệnh gây hại nặng trong những năm trước.

*- Rầy nâu:* phát sinh gây hại xu hướng tăng trên lúa làm đòng trỗ bông, có khả năng gây cháy cục bộ trên các giống nhiễm.

*c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:*

- Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ:

*+ Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép thối hạt*,...gây hại cục bộ lúa Đông Xuân muộn giai đoạn cuối vụ.

*+ Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, sâu keo, bệnh đạo ôn lá,*...phát sinh và gia tăng gây hại trên lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- Tây Nguyên:

*+ Sâu đục thân hai chấm, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt,...*hại nhẹ trên lúa giai đoạn ngậm sữa - chín.

*+ Sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá* gây hại phổ biến ở mức nhẹ đến trung bình trên lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

*- Ốc bươu vàng:* Lây lan theo nguồn nước và gây hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống - mạ.

*- Chuột:* hại rải rác trên lúa Đông Xuân muộn và gia tăng gây hại hại trên giống gieo lúa Hè Thu sớm.

*d) Các tỉnh Nam bộ:*

*- Rầy nâu:* Rầy ngoài đồng phổ biến tuổi 3-5, gây hại phổ biến ở mức nhẹ đến trung bình trên lúa giai đoạn Đòng, Trỗ. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2025 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi sát diễn biến rầy vào đèn cũng như tình hình khí tượng thuỷ văn tại địa phương để xuống giống lúa an toàn.

*- Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt:* có khả năng tiếp tục phát triển và gây hại tăng trên các trà lúa đang trong giai đoạn trỗ - chín.

Ngoài ra, cần chú ý: *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng- trỗ chín; *ốc bươu vàng* gây hại trên lúa Hè Thu mới xuống giống, đặc biệt ở những chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước.

***1.2. Trên cây trồng khác***

*a) Trên cây ngô*: *Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá ,*...tiếp tục gây hại trên ngô giai đoạn phát triển thân lá- xoáy nõn, mức độ hại phổ biến từ nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng. *Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn*,...tiếp tục phát sinh gây hại trên ngô giai đoạn trỗ cờ - thâm râu.

*b) Cây sắn:* *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như *bọ phấn trắng, rệp sáp*,... .

*c) Trên cây rau, màu*: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, bệnh sương mai*,... tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự. *Sâu đục lá cà chua Nam Mỹ, bệnh xoăn lá virus* cà chua*, bệnh sưng rễ* bắp cải,.. tiếp tục gây hại. *Sâu khoang, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh*,... tiếp tục hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lạc, đậu đỗ vụ Đông Xuân.

*d) Trên cây ăn quả:*

*- Cây ăn quả có múi*: *Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening, sâu vẽ bùa, rệp, nhện đỏ,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Cây nhãn, vải:* Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư tiếp tục hại tại các tỉnh phía Bắc; *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục hại chủ yếu trên cây nhãn tại các tỉnh phía Nam.

*- Cây sầu riêng:* Bệnh nứt thân xì mủ do Phytophthora sp., bệnh thán thư,…tiếp tục gây hại trên cây sầu riêng; Mọt đục cành, rệp sáp, rầy bông, bệnh thối rễ,…hại cục bộ.bệnh cháy lá, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... có khả năng gia tăng diện tích nhiễm.

*- Cây thanh long:* *Bệnh đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc*,...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

*- Cây dừa:* *Bọ cánh cứng, sâu đầu đen, bọ vòi voi,*... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang, …

*e) Trên cây công nghiệp lâu năm:*

*- Cây cà phê:**Bọ xít muỗi* gây hại chủ yếu trên cây cà phê chè ở Lâm Đồng. *Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục gây hại trên cà phê giai đoạn ra hoa- quả non.

 *- Cây hồ tiêu:* *Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp,*... gây hại cục bộ.

*- Cây điều:* *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư ,*...tiếp tục phát sinh và gia tăng gây hại điều giai đoạn ra hoa - nuôi quả.

*- Cây cao su:* *Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh đốm lá, bệnh nấm hồng,*...tiếp tục gây hại nhẹ đến trung bình trên các vườn cao su.

*- Cây chè:* *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*f) Trên tre, luồng, vầu:* Trứng châu chấu tre bắt đầu nở, châu chấu non sẽ phát tán ra diện rộng. Lưu ý: Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm như Điện Biên, Cao Bằng, Sơn La,...để chủ động phòng chống kịp thời và hiệu quả.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh, thành phố thực hiện tốt công văn số 1043/TTBVTV-TTBVTV ngày 29/4/2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc chỉ đạo sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật trên cây trồng.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, theo dõi chặt các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Đông Xuân 2024-2025 hiện nay như rầy nâu-rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh đạo ôn, chuột,… để chủ động các biện pháp phòng, chống hiệu quả. Lưu ý: Giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh và gây hại của bệnh đạo ôn cổ bông, nhất là trong điều kiện thời tiết thuận lợi và trên các giống nhiễm; tiến hành phòng chống kịp thời tại những khu vực có tỷ lệ bệnh hại cao để hạn chế lây lan.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng SVGH chính trên lúa Đông Xuân muộn và lúa Hè Thu 2025 để chủ động các biện pháp phòng chống. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân diệt chuột và thu lượm ốc bươu vàng liên tục bằng nhiều biện pháp.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng, chống các đối tượng SVGH chính như: *bệnh chết chậm* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi* và *bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại thanh long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục TT&BVTV (để b/c);- Phòng KH-TC, HTQT (đưa website Cục);- Trung tâm TT& BVTV vùng;- Báo NNVN; - Lưu: VT, TTBVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG** **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN(ha)** | **DTN so với (ha)** | **Phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đạo ôn lá | 9.245 | 184 | 0 | 9.429 | -3.753 | 752 | 16.914 | H.Nội, NĐ, HP, B.Thuận, L.Đồng, AG, HG, VL, ĐT, ST, ĐN |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 510 | 67 | 0 | 577 | 394 | -22 | 55.446 | ĐB, H.Nam, HT, QB, QT, TT Huế, L.Đồng, STr |
| 3 | Rầy hại lúa | 19.964 | 3 | 0 | 19.968 | -1.601 | -53.037 | 77.404 | ĐB, YB, TQ, NA, QB, QT, Huế, Đ.Lắk, ĐT, TG, LA, ĐN, HG |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 783 | 0 | 0 | 783 | 154 | 20 | 452 | VP, YB, ĐB, NA, K.Hòa, G.Lai, Đ.Lắk, HG, ST, ĐT, TN, VT |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 41.350 | 17.170 | 0 | 58.520 | -66.750 | -169.745 | 157.555 | TB, NĐ, NB, QB, TT Hue, G.Lai, AG, VL, ĐT, ST, BL, TG |
| 6 | Bệnh bạc lá | 2.541 | 106 | 1 | 2.647 | 801 | 529 | 1.822 | ĐB, PT, YB, TH, NA, QB, QTr, ĐN, ĐT, ST, HG, TG, KG |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 3.105 | 68 | 0 | 3.173 | 302 | 690 | 596 | Điện Biên, QTr, TT Huế, L.Đồng, CT, ĐT, ST, ĐN |
| 8 | Chuột hại lúa | 10.975 | 525 | 0 | 11.501 | -649 | 2.337 | 1.277 | ĐB, VP, PT, TH, NA, HT, QB, QTr, TT Huế, K.Hòa, B.Thuận, AG, ĐT, HG, ST, LA, ĐN |
| 9 | Ốc bươu vàng  | 4.408 | 0 | 0 | 4.408 | 1.071 | 2.546 | 662 | B.Thuận, K.Hòa, L.Đồng, BL, VL, LA, HCM, HG, ST |
| 10 | Bệnh khô vằn | 73.005 | 2.729 | 0 | 75.734 | 30.631 | -4.805 | 123.606 | NĐ, H.Nam, PT, TH, NA, HT, QB, QTr, TT Huế, L.Đồng, Đ.LắkHG |
| 11 | Muỗi hành  | 180 | 0 | 0 | 180 | 20 | 8 | 180 | ĐT |
| 12 | Bọ trĩ | 1.688 | 0 | 0 | 1.688 | -591 | -1.641 | 197 | B.Định, BL, ĐT, AG, HCM, TN, LA |
| **II** | **Cây trồng khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 217 | 13 | 0 | 230 | 1 | -141 | 15 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 434 | 6 | 0 | 440 | -60 | -335 | 375 | TQ, HB, HG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 729 | 3 | 0 | 732 | 53 | 299 | 62 | VL, HG, ST, TV, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 345 | 0 | 0 | 345 | -45 | -186 | 2.092 | B.Thuận, LA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.437 | 59 | 0 | 5.495 | 12 | -925 | 312 | P.Yên, BT, ST, CM, TG, KG, TV, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa  | 375 | 21 | 0 | 396 | 5 | -215 | 1.002 | K.Hòa, G.Lai, P.Yên, BT, KG, TV, TG, ST, VL |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 2.985 | 107 | 0 | 3.092 | 216 | -882 | 2.890 | L.Đồng, K.Hòa, ĐN, TG, BP, VL, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.520 | 119 | 0 | 1.639 | -1 | -218 | 93 | QTR, G.Lai, ĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 825 | 87 | 0 | 912 | -21 | -664 | 78 | QB, QTr, G.Lai, Đ.Lắk, Đ.Nông, ĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 214 | 0 | 0 | 214 | 5 | 116 | 3 | QTr, G.Lai, Đ.Nông, ĐN, BP, KG, BRVT |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 7.254 | 0 | 0 | 7.254 | -535 | -2.095 | 5.359 | Điện Biên, QTr, L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê  | 5.840 | 0 | 0 | 5.840 | -120 | -1.207 | 5.623 | ĐB, SL, QTr, L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 6.500 | 28 | 0 | 6.528 | -735 | 1.517 | 2.838 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, K.Hòa, BP, ĐN, BRVT |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 5.372 | 23 | 0 | 5.395 | -1.048 | 569 | 2.818 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, BP, ĐN,… |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.106 | 0 | 0 | 4.106 | 320 | 201 | 3.442 | TN, H.Nội, YB, L.Đồng |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 46.518 | 7.796 | 0 | 54.314 | 330 | -11.069 | 928 | TH, NA, HT, QB, QTr, TT Huế, P.Yên, Q.Ngãi, Q.Nam, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, TN, ĐN, BRVT, BD, BP, LA |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 264 | 0 | 0 | 264 | -42 | -101 | 186 | YB, BK, HD, TH, NA, HT, P.Yên, L.Đồng, ĐN |